

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH C MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Hùng

2. Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh C Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh C Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đạt, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh C Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hứa Thị C, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh C Mau.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Nh, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh C Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 30/5/2019 cũng như tại phiên tòa chị Hứa Thị C trình bày:*

Chị C và anh N tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 1998 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh C Mau vào ngày 05/8/2002. Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc làm phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị C cho rằng anh chị đã mâu thuẫn nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Vì vậy, chị C yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N.

Con chung tên Nguyễn Kiều T, sinh ngày 02/01/2000 đã trưởng thành nên theo ai người đó nuôi dạy chị C không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Chị C và anh N đã tự thỏa thuận, nợ chung: Không có nên chị C không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh C Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện chị C và anh N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị C yêu cầu ly hôn với anh N. Do đó, áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị C và anh N được ly hôn; con chung do đã trưởng thành nên theo ai người đó nuôi dạy là có cơ sở, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1] Chị Hứa Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Ngọc N. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh N có địa chỉ tại ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh C Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị C thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh C Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án có thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tổng đạt hợp lệ cho anh N nhưng anh N không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị C và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh N nhưng anh N vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Hứa Thị C và anh Nguyễn Ngọc N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh C Mau vào ngày 05/8/2002. Vì vậy về quan hệ hôn nhân anh chị đã tuân thủ điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Chị C cho rằng thời gian chung sống không hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được nên chị C yêu cầu ly hôn với anh N. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị C và anh N có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh N vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Hứa Thị C và anh Nguyễn Ngọc N được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, chị Hứa Thị C và anh Nguyễn Ngọc N có 01 con chung tên Nguyễn Kiều T, sinh ngày 02/01/2000 (giới tính nữ). Xét thấy, tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị C không yêu cầu giải quyết đối với con chung mà con chung theo ai người đó nuôi dạy là có cơ sở. Bởi vì con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị C xác định thời gian chung sống chị C và anh N có tài sản chung nhưng anh chị tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị C cho rằng thời gian chung sống anh chị không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài nên không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, trình bày của chị C là có cơ sở. Bởi vì, tại xác nhận ngày 07/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh C Mau xác nhận tại thời điểm hiện tại chị C và anh N không có ai đến yêu cầu về nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hứa Thị C phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56 và Điều 59 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Ngọc N.
2. Về hôn nhân: Chị Hứa Thị C và anh Nguyễn Ngọc N được ly hôn.
3. Về con chung: Do Nguyễn Kiều T, sinh ngày 02/01/2000 (giới tính nữ) đã trưởng thành theo ai người đó nuôi dạy nên không xét.
4. Về tài sản chung: Chị Hứa Thị C và anh Nguyễn Ngọc N tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xét.
5. Về nợ chung: Không có.
6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hứa Thị C phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 01 tháng 6 năm 2019 chị C có dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006207 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh C Mau nay được chuyển thu án phí.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bản án này là sơ thẩm, báo cho chị C biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh C Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang